

Số: 22 /QĐ-UBND

Long Hồ, ngày 09 tháng 01 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai dự toán ngân sách năm 2020 của huyện Long Hồ

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN LONG HỒ

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương, ngày 19/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Nghị quyết số 66/NQ-HĐND ngày 19/12/2019 của Hội đồng nhân dân huyện về việc phê chuẩn dự toán thu ngân sách nhà nước, chi ngân sách địa phương, phương án phân bổ ngân sách huyện năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 7071/QĐ-UBND ngày 23/12/2019 của Ủy ban nhân dân huyện Long Hồ về việc giao dự toán thu ngân sách nhà nước, chi ngân sách địa phương năm 2020;

Xét Tờ trình số 01/TTr-TCKH ngày 06 /01/2020 của Trưởng Phòng Tài chính - Kế hoạch về công khai dự toán thu ngân sách nhà nước, chi ngân sách địa phương, phân bổ ngân sách cấp huyện và số bổ sung ngân sách cấp xã, thị trấn năm 2020,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu dự toán ngân sách năm 2020 của huyện Long Hồ.

(Có các biểu kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân huyện, Trưởng phòng Tài chính - kế hoạch huyện, Thủ trưởng các đơn vị liên quan tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Ủy ban nhân tỉnh;
- Sở Tài chính;
- Văn phòng Huyện ủy;
- Phòng, ban thuộc UBND huyện;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện;
- Tòa án nhân dân huyện;
- Cơ quan của các đoàn thể huyện;
- UBND các xã, thị trấn;
- QTM;

Gửi VBĐT:

- CT & PCT.UBND huyện;
- Công TTĐT;
- LĐVP, NC;
- Lưu: VT (thêm 05bộ).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Phan Thị Mỹ Hạnh

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH HUYỆN NĂM 2020*(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân quyết định)**Đơn vị: Triệu đồng*

STT	NỘI DUNG	Dự toán
A	TỔNG NGUỒN THU NGÂN SÁCH HUYỆN	536.175
I	Thu ngân sách huyện được hưởng theo phân cấp	118.870
-	Thu ngân sách huyện hưởng 100%	42.020
-	Thu ngân sách huyện hưởng từ các khoản thu phân chia	76.850
II	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	417.305
-	Thu bổ sung cân đối	290.792
-	Thu bổ sung có mục tiêu	126.513
III	Thu kết dư	
IV	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang	
B	TỔNG CHI NGÂN SÁCH HUYỆN	536.175
I	Tổng chi cân đối ngân sách huyện	536.175
1	Chi đầu tư phát triển	95.522
2	Chi thường xuyên	433.543
3	Dự phòng ngân sách	7.110
4	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	
II	Chi các chương trình mục tiêu	-
1	Chi các chương trình mục tiêu quốc gia	
2	Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	-
III	Chi chuyển nguồn sang năm sau	

CÂN ĐỐI NGUỒN THU, CHI DỰ TOÁN NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN VÀ NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2020*(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân quyết định)*

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán
A	NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN	
I	Nguồn thu ngân sách	455.202
1	Thu ngân sách được hưởng theo phân cấp	106.420
2	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	348.782
-	Thu bổ sung cân đối	233.995
-	Thu bổ sung có mục tiêu	114.787
3	Thu kết dư	
4	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang	
II	Chi ngân sách	455.202
1	Chi thuộc nhiệm vụ của ngân sách cấp huyện	386.679
2	Chi bổ sung cho ngân sách xã	68.523
-	Chi bổ sung cân đối	56.797
-	Chi bổ sung có mục tiêu	11.726
3	Chi chuyển nguồn sang năm sau	
B	NGÂN SÁCH XÃ	
I	Nguồn thu ngân sách	80.973
1	Thu ngân sách được hưởng theo phân cấp	12.450
2	Thu bổ sung từ ngân sách cấp huyện	68.523
-	Thu bổ sung cân đối	56.797
-	Thu bổ sung có mục tiêu	11.726
3	Thu kết dư	
4	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang	
II	Chi ngân sách	80.973

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2020

(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân quyết định)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán	
		Tổng thu NSNN	Thu NS huyện
	TỔNG THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC	121.970	118.870
I	Thu nội địa	121.970	118.870
1	Thu từ khu vực DNNN do Trung ương quản lý	350	-
	Thuế giá trị gia tăng	350	
2	Thu từ khu vực DNNN do Địa phương quản lý	800	-
	-Thuế giá trị gia tăng	320	
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp	480	
3	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	55.000	55.000
	- Thuế giá trị gia tăng	43.050	43.050
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp	11.000	11.000
	- Thuế tiêu thụ đặc biệt	300	300
	- Thuế tài nguyên	650	650
4	Thuế thu nhập cá nhân	22.500	22.500
5	Thuế bảo vệ môi trường		-
6	Lệ phí trước bạ	9.620	9.620
7	Thu phí, lệ phí	3.760	2.875
	<i>Trong đó: - Thu phí, lệ phí trung ương</i>	885	
8	Thuế sử dụng đất nông nghiệp	-	-
9	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	600	600
10	Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước	220	220
11	Thu tiền sử dụng đất	25.000	25.000
16	Thu khác ngân sách	4.120	3.055
	<i>Trong đó: - Thu khác ngân sách TW</i>	1.065	-
17	Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản khác		
II	Thu viện trợ		


 HUYỆN LONG HỒ
HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH HUYỆN

CHI NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN VÀ CHI NGÂN SÁCH XÃ THEO CƠ CẤU CHI NĂM 2020

(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân quyết định)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Ngân sách huyện	Chia ra	
			cấp huyện	cấp xã
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH HUYỆN	536.175	455.202	80.973
A	CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH HUYỆN	536.175	455.202	80.973
I	Chi đầu tư phát triển	95.522	95.522	0
1	Chi đầu tư cho các dự án	12.880	12.880	
	Trong đó chia theo lĩnh vực:			
-	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề			
-	Chi khoa học và công nghệ			
	Trong đó chia theo nguồn vốn:			
-	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất			
2	Chi đầu tư phát triển khác (20% nguồn thu tiền SDĐ)	20.000	20.000	
3	Chi bổ sung mục tiêu vốn đầu tư	62.642	62.642	
II	Chi thường xuyên	433.543	353.705	79.838
	Trong đó:			
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	226.162	226.162	
2	Chi khoa học và công nghệ	210	210	
III	Dự phòng ngân sách	7.110	5.975	1.135
IV	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương			
B	CHI CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU			
I	Chi các chương trình mục tiêu quốc gia			
	(Chi tiết theo từng chương trình mục tiêu quốc gia)			
II	Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ			
C	CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM SAU			

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN THEO TỪNG LĨNH VỰC NĂM 2020

(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân quyết định)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH HUYỆN	536.175
A	CHI BỔ SUNG CÂN ĐỐI CHO NGÂN SÁCH XÃ	80.973
B	CHI NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN THEO LĨNH VỰC	455.202
	<i>Trong đó:</i>	
I	Chi đầu tư phát triển	95.522
1	Chi đầu tư cho các dự án	95.522
	<i>Trong đó:</i>	
1.1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	
1.4	Chi văn hóa thông tin	
1.8	Chi các hoạt động kinh tế	
2	Chi đầu tư phát triển khác	
II	Chi thường xuyên	353.705
	<i>Trong đó:</i>	
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	234.286
2	Chi khoa học và công nghệ	135
3	Chi y tế, dân số và gia đình	50
4	Chi văn hóa thông tin	2.785
5	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn	
6	Chi thể dục thể thao	
7	Chi bảo vệ môi trường	8.700
8	Chi các hoạt động kinh tế	22.752
9	Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	26.134
10	Chi bảo đảm xã hội	38.176
11	Chi nguồn điều hành TT UBH	15.282
12	Chi quốc phòng - AN	3.181
13	Chi khác ngân sách	2.223
III	Dự phòng ngân sách	5.975
IV	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	
C	CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM SAU	

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN CHO TỪNG CƠ QUAN, TỔ CHỨC NĂM 2020

(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân quyết định)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	TÊN ĐƠN VỊ	TỔNG SỐ	CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN (KHÔNG KÊ CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA)	CHI THƯỜNG XUYÊN (KHÔNG KÊ CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA)	CHI DỰ PHÒNG NGÂN SÁCH	CHI TẠO NGUỒN, ĐIỀU CHỈNH TIỀN LƯƠNG	CHI CHƯƠNG TRÌNH MTQG			CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NGÂN SÁCH NĂM SAU
							TỔNG SỐ	CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	CHI THƯỜNG XUYÊN	
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9
	TỔNG SỐ	371.406	-	365.431	5.975	-	-	-	-	-
I	CÁC CƠ QUAN, TỔ CHỨC	353.705	-	353.705	-	-	-	-	-	-
1	Văn Phòng HĐND - UBND	5.361		5.361						
2	Phòng Nông nghiệp và PTNT	6.483		6.483						
3	Phòng Tư Pháp	699		699						
4	Phòng Tài chính - KH	2.230		2.230						
5	Phòng Kinh tế và hạ tầng	14.887		14.887						
6	Phòng Giáo dục và đào tạo	231.332		231.332						
7	TT GDNN & GDTX	2.402		2.402						
8	Phòng Y tế	630		630						
9	Phòng LĐTB và XH	39.023		39.023						
10	Phòng VH và TT	837		837						
11	TT văn hóa - TT	2.790		2.790						
12	Phòng Tài nguyên và MT	6.818		6.818						
13	Phòng Nội vụ	1.719		1.719						
14	Thanh tra	868		868						
15	Văn phòng Huyện ủy	7.693		7.693						
16	TT bồi dưỡng chính trị	791		791						
17	Đài truyền thanh	-		-						
18	Mặt trận tổ quốc	877		877						
19	Huyện đoàn	649		649						
20	Hội Liên hiệp phụ nữ	599		599						
21	Hội nông dân	650		650						
22	Hội Cựu chiến binh	336		336						
23	Hội Chữ thập đỏ	403		403						
24	Hội Luật gia	93		93						



STT	TÊN ĐƠN VỊ	TỔNG SỐ	CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN (KHÔNG KÊ CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA)	CHI THƯỜNG XUYÊN (KHÔNG KÊ CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA)	CHI DỰ PHÒNG NGÂN SÁCH	CHI TẠO NGUỒN, ĐIỀU CHỈNH TIỀN LƯƠNG	CHI CHƯƠNG TRÌNH MTQG			CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NGÂN SÁCH NĂM SAU
							TỔNG SỐ	CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	CHI THƯỜNG XUYÊN	
25	Hội người cao tuổi	116,0		116						
26	Hội chất độc da cam	93,5		93						
27	Hội Người Khuyết tật, bệnh nhân nghèo	93,5		93						
28	Hội Người tù kháng chiến	105,9		106						
29	Hội khuyến học	93,5		93						
30	Hội sinh vật cảnh	25,0		25						
31	Hội Đông Y	183,3		183						
32	Công an	294		294						
33	Ban chỉ huy quân sự	2.887		2.887						
34	Nguồn phân khai sau	15.282		15.282						
35	Khen thưởng GV từ nguồn SNGD			1.360						
36	Ban QLDA đầu tư XD huyện			5.000						
II	CHI DỰ PHÒNG NGÂN SÁCH	5.975			5.975					
III	CHI TẠO NGUỒN, ĐIỀU CHỈNH TIỀN LƯƠNG	-								
IV	CHI BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU CHO NGÂN SÁCH XÃ	11.726		11.726						
V	CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NGÂN SÁCH NĂM SAU	-								

DỰ TOÁN CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CỦA NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN CHO TỪNG CƠ QUAN, TỔ CHỨC THEO LĨNH VỰC NĂM 2020

(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân quyết định)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	TÊN ĐƠN VỊ	TỔNG SỐ	TRONG ĐÓ										CHI HOẠT ĐỘNG CỦA CƠ QUAN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC, ĐẢNG.	CHI BẢO ĐẢM XÃ HỘI
			CHI GIÁO DỤC - ĐÀO TẠO VÀ DẠY NGHỀ	CHI VĂN HÓA THÔNG TIN	CHI PHÁT THANH, TRUYỀN HÌNH, THÔNG TẤN	CHI THỂ DỤC THỂ THAO	CHI BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG	CHI CÁC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ	TRONG ĐÓ					
									Khác	CHI GIAO THÔNG	CHI NÔNG NGHIỆP, LÂM NGHIỆP, THỦY LỢI, THỦY SẢN			
A	B	1	2	5	6	7	8	9		10	11	12	13	
	TỔNG SỐ	95.522	2.542	1.500	-	-	-	43.200	19.850	43.200	-	11.500	-	
1	Ban quản lý dự án ĐT XD	41.242	2.542	1.500				25.700		25.700		11.500		
2	Phòng Kinh tế và hạ tầng	17.500						17.500		17.500				
3	Phòng Giáo dục và Đào tạo	16.930	16.930											
4	Phân khai sau	19.850						19.850	19.850					

DỰ TOÁN CHI THƯỜNG XUYÊN CỦA NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN CHO TỪNG CƠ QUAN, TỔ CHỨC THEO LĨNH VỰC NĂM 2020

(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân quyết định)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	TÊN ĐƠN VỊ	TỔNG SỐ	TRONG ĐÓ																	
			CHI GIÁO DỤC - ĐÀO TẠO VÀ ĐÀO TẠO NGHỆ	CHI KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ	CHI Y TẾ, DÂN SỐ VÀ GIA ĐÌNH	CHI VĂN HÓA THÔNG TIN	CHI PHÁT THANH, TRUYỀN HÌNH, THÔNG TIN	CHI THỂ DỤC THỂ THAO	CHI BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG	CHI SỰ NGHIỆP LƯU TRỮ	AN NINH	QUỐC PHÒNG	CHI CÁC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ	TRONG ĐÓ				CHI HOẠT ĐỘNG CỦA CƠ QUAN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC, ĐẢNG, ĐOÀN THỂ, HỘI ĐẶC THÙ	CHI KHÁC NS	CHI BẢO ĐẢM XÃ HỘI
														SN KINH TẾ KHÁC	CHI GIAO THÔNG	KIỆN THIẾT THỊ CHÍNH	CHI NÔNG NGHIỆP, LÂM NGHIỆP, THỦY LỢI, THỦY SẢN			
A	B	I	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
	TỔNG SỐ	353.705,3	238.646,2	210	50	2.785	-	-	9.200	-	394	2.887,2	25.722	3.695	4.450	11.058	6.519	34.771,5	863	38.176
1	Văn Phòng HĐND - UBND	5.361,0	20			-							720			720		4.621		
2	Phòng Nông nghiệp và PTNT	6.483,2	40										5.715				5.715	728		
3	Phòng Tư Pháp	699,2	134										-					565		
4	Phòng Tài chính - KH	2.230,2	20										244	45		45	154	1.966		
5	Phòng Kinh tế và hạ tầng	14.887,0		135									13.433		3.800	9.633		1.319		
6	Phòng Giáo dục và đào tạo	231.332,0	230.672										-					660		
7	TT GDNN & GDTX	2.402,0	2.402										-							
8	Phòng Y tế	630,0			50								-					580		
9	Phòng LĐTB và XH	39.023,0	7										-					1.010		38.006
10	Phòng VH và TT	837,0	-		45								-					792		
11	TT văn hóa -TT	2.790,0	50		2.740								-							
12	Phòng Tài nguyên và MT	6.818,0	35						3.700				2.280	2.280				803		
13	Phòng Nội vụ	1.719,0	-										-					856	863	
14	Thanh tra	868,0											-					868		
15	Văn phòng Huyện ủy	7.693,0	100										360			360		7.063		170
16	TT bồi dưỡng chính trị	791,0	791										-							
17	Đài truyền thanh	-											-							
18	Mặt trận tổ quốc	877,3											-					877		
19	Huyện đoàn	649,0	5										-					644		
20	Hội Liên hiệp phụ nữ	599,0	5										-					594		
21	Hội nông dân	650,0	5										-					645		
22	Hội Cựu chiến binh	336,0											-					336,0		
23	Hội Chữ thập đỏ	403,0	-										-					403,0		
24	Hội Luật gia	93,5											-					93,5		
25	Hội người cao tuổi	116,0											-					116,0		
26	Hội chất độc da cam	93,5											-					93,5		
27	Hội Người Khuyết tật, bệnh nhân nghèo	93,5											-					93,5		
28	Hội Người tù kháng chiến	105,9											-					105,9		
29	Hội khuyến học	93,5											-					93,5		
30	Hội sinh vật cảnh	25,0											-					25,0		
31	Hội Đông Y	183,3											-					183		
32	Công an	294,0									294		-							
33	Ban chỉ huy quân sự	2.887,2										2.887	-							
34	Khen thưởng GV từ nguồn SNGD	1.360,0	1.360																	
35	Ban QLDA đầu tư XD huyện	5.000,0							5.000											
36	Nguồn phân khai sau	15.282,2	3.000	75					500	-	100	-	2.970	1.370	650	300	650	8.637,2	-	-

DỰ TOÁN THU, SỐ BỔ SUNG VÀ DỰ TOÁN CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH TỪNG XÃ NĂM 2020

(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân quyết định)

Đơn vị: Triệu đồng

Stt	Tên đơn vị	Tổng thu NSNN trên địa bàn	Thu ngân sách xã được hưởng theo phân cấp			Số bổ sung cân đối từ ngân sách cấp huyện	Số bổ sung thực hiện điều chỉnh tiền lương	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang	Tổng chi cân đối ngân sách xã
			Tổng số	Chia ra					
				Thu ngân sách xã hưởng 100%	Thu ngân sách xã hưởng từ các khoản thu phân chia				
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8
	TỔNG SỐ	80.973	12.450	1.071	11.379	56.797	-	-	80.973
1	Long Phước	5.111	977	50	927	3.835			5.111
2	Long An	4.977	671	50	621	4.038			4.977
3	Thị Trấn	5.338	962	117	845	3.190			5.338
4	Lộc Hòa	4.866	593	65	528	4.022			4.866
5	Tân Hạnh	6.499	1.916	110	1.806	3.095			6.499
6	Thanh Đức	6.151	2.154	140	2.014	2.614			6.151
7	Phú Quới	5.832	1.415	100	1.315	3.114			5.832
8	An Bình	6.065	270	45	225	4.426			6.065
9	Phước Hậu	4.776	784	65	719	3.776			4.776
10	Bình H Phước	4.616	334	72	262	4.086			4.616
11	Đồng Phú	6.912	371	100	271	4.769			6.912
12	Hòa Phú	5.559	1.193	50	1.143	3.156			5.559
13	Thạnh Quới	4.771	185	37	148	4.331			4.771
14	Phú Đức	4.964	440	50	390	4.189			4.964
15	Hoà Ninh	4.537	186	20	166	4.159			4.537

DỰ TOÁN CHI BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU
TỪ NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN CHO NGÂN SÁCH TỪNG XÃ NĂM 2020

(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân quyết định)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Tên đơn vị	Tổng số	Bổ sung vốn đầu tư để thực hiện các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	Bổ sung vốn sự nghiệp để thực hiện các chế độ, chính sách, nhiệm vụ	Bổ sung thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia
A	B	1=2+3+4	2	3	4
	TỔNG SỐ	11.726	-	11.726	-
1	Long Phước	300		300	
2	Long An	268		268	
3	Thị Trấn	1.187		1.187	
4	Lộc Hòa	251		251	
5	Tân Hạnh	1.488		1.488	
6	Thanh Đức	1.383		1.383	
7	Phú Quới	1.304		1.304	
8	An Bình	1.369		1.369	
9	Phước Hậu	215		215	
10	Bình H Phước	197		197	
11	Đồng Phú	1.772		1.772	
12	Hòa Phú	1.210		1.210	
13	Thanh Quới	255		255	
14	Phú Đức	335		335	
15	Hoà Ninh	193		193	

HỒ T. VINH